

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2017/HC-ST**

Ngày: 21/8/2018.

V/v khiếu kiện: “Quyết định thu
hồi và huỷ giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thuý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiến;
2. Bà Dương Thị Hồng Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 23 /2017/TLST-HC ngày 03 tháng 10 năm 2017, về việc khiếu kiện: “Quyết định thu hồi và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 06/2018/QĐXXST-HC ngày 20 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Võ Thị U, sinh năm 1961; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lê Văn B - Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Minh T - Chủ tịch UBND huyện B. (xin giải quyết vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Hoàng M – Cán bộ công tác tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện B. (xin giải quyết vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn U, sinh năm 1955; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa, người

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà U – ông Lê Văn L và bà Võ Thị U - người khởi kiện cùng trình bày:

Ngày 03/7/2014, bà làm đơn đề nghị UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa 412 tờ bản đồ số 10, diện tích 3.855m² và thửa 229 tờ bản đồ số 10, diện tích 2.320m², tọa lạc ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 16/12/2014, bà được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01404 thuộc thửa 412 tờ bản đồ số 10, diện tích 3.855m² loại đất trồng lúa, thời gian sử dụng đến hết ngày 01/7/2064.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01405, thuộc thửa 229 tờ bản đồ số 10, diện tích 2.320m², loại đất trồng lúa, thời gian sử dụng đến hết ngày 01/7/2064.

Ngày 28/3/2017, UBND huyện B ban hành quyết định số 709/QĐ-UBND thu hồi và hủy 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của bà, với lý do: thời điểm bà làm đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ bà gồm 5 nhân khẩu nhưng hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 412 và 229 tờ bản đồ số 10, xã T thiếu danh sách những người trong hộ sử dụng đất đồng ý cho bà đại diện hộ đăng ký quyền sử dụng đất; bên cạnh đó phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/9/2014 không được ấp A tổ chức họp dân để xác định nguồn gốc đất của hộ bà mà giao cho bà trực tiếp đến từng hộ dân ký tên xác nhận.

UBND huyện B căn cứ vào 02 lý do nêu trên để thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà là không đúng, bởi lẽ: hộ khẩu năm 2014 của bà gồm 05 nhân khẩu:

1. Võ Thị U (tức là bà) – chủ hộ
2. Lê Thị L (mẹ bà) chết ngày 01/3/2015
3. Đào Kim P (con bà)
4. Lê Văn C (con bà)
5. Lê Văn Chúc E (con bà)

Năm người trong hộ khẩu của bà nêu trên đều là ruột thịt và từ khi bà được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay những người trong hộ của bà không có ai khiếu nại việc UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà; Đồng thời, UBND huyện B cho rằng phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 24/9/2014 không được trưởng ấp A tổ chức họp dân để xác định nguồn gốc đất của bà là không đúng vì trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà có phiếu lấy ý kiến của khu dân cư.

Do vậy, nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xem xét xử hủy quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01404 và CH01405 của hộ bà Võ Thị U.

Theo văn bản số 3558/UBND-NC ngày 03/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B, Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Ngày 29/8/1997, ông Võ Văn Đ (cha của bà U) đại diện hộ gia đình được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 8705m² (thửa 02 diện tích 2530m², thửa 229 diện tích 2320m² và thửa 412 diện tích 3855m²). Tuy

nhiên, khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trước đó ngày 16/6/1997, ông Đ đã chết.

Năm 2001, bà Võ Thị U lập thủ tục xin thừa kế quyền sử dụng đất của ông Đ đối với các thửa đất nêu trên. Hồ sơ được UBND xã xác nhận và đề nghị UBND huyện cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà U.

Ngày 01/10/2001, UBND huyện B ban hành Quyết định số 456/QĐ-UB về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000490/QSDĐ/207/QĐ-UB ngày 29/8/1998 đã cấp cho hộ ông Võ Văn Đ, lý do: ông Đ chết, chuyển quyền thừa kế cho con. Đồng thời, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1242/QSDĐ/456/QĐ-UB ngày 01/10/2001 cho hộ bà U với tổng diện tích 8705m² gồm các thửa 412, 229 và thửa 02.

Vào ngày 06/12/2010, ông Võ Văn Đ1 và ông Võ Văn U (con ruột ông Đ, anh cùng cha khác mẹ với bà U) làm đơn khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Võ Thị U từ cha ruột là ông Võ Văn Đ vào năm 2001 là không đúng theo quy định pháp luật, làm thiệt hại đến quyền lợi thừa hưởng tài sản của các con ông Võ Văn Đ.

Qua thẩm tra, xác minh, nhận thấy rằng việc UBND xã xác nhận hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất cho hộ bà U chưa đúng thủ tục. Ngày 31/12/2013, UBND huyện ban hành Quyết định số 2890/QĐ-UBND về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1242/QSDĐ/456/QĐ-UB ngày 01/10/2001 cấp cho hộ bà Võ Thị U. Sau khi nhận quyết định, bà U không khiếu nại.

Ngày 03/7/2014, bà Võ Thị U đại diện hộ gia đình có đơn đề nghị cấp mới quyền sử dụng đất thửa 412, thửa 229. Ngày 10/7/2014, Hội đồng xét duyệt đăng ký quyền sử dụng đất của xã T họp thống nhất hồ sơ của bà U đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 29/10/2014, UBND xã có tờ trình đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Võ Thị U.

Ngày 16/12/2014, UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0104 và CH 01405 cho hộ bà U, thường trú ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà U, ông Võ Văn U có đơn kiến nghị UBND xem xét thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà U đối với 2 thửa đất nêu trên chưa đúng quy định pháp luật.

Ngày 19/12/2016, Thanh tra huyện có kết luận quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Võ Thị U như sau: Thời điểm bà U có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ bà U có 5 nhân khẩu nhưng hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 412, 229 cùng tờ bản đồ số 10 thiếu danh sách những người trong hộ sử dụng đất đồng ý cho bà U đại diện hộ đăng ký quyền sử dụng đất; đồng thời trưởng ấp A không tổ chức họp dân để xác định nguồn gốc đất của hộ bà U mà giao cho bà U trực tiếp đến từng hộ dân ký tên xác nhận. Hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã vi phạm điểm b, đ, khoản 3 điều 12 thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường về hồ sơ địa chính. Do đó, ngày 16/12/2014 hộ bà U được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa đúng quy định của pháp luật.

Ngày 13/01/2017, UBND huyện có Công văn số 106/UBND-NC về việc thông báo thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà U, hết thời hạn

quy định bà U không mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lập thủ tục thu hồi theo quy định.

Ngày 28/3/2017, UBND huyện ban hành quyết định số 709/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01404 và CH01405 của hộ bà Võ Thị U, thường trú ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Từ những cơ sở trên UBND huyện B nhận thấy quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 là có căn cứ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung theo quy định.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện không chấp nhận việc bà U yêu cầu hủy quyết định này.

Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại, cũng như tại phiên toà, ông Võ Văn U là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông là con ruột của ông Võ Văn Đ và bà Phạm Thị P. Cha mẹ ông có 06 người con chung nhưng hiện nay chỉ còn 02 người con còn sống là ông Võ Văn Đ1 và ông.

Lúc còn sống cha mẹ ông có quản lý, sử dụng các thửa đất gồm :

- Phần đất lúa thuộc các thửa 412, 229, tờ bản đồ số 10, xã T có nguồn gốc do bà ngoại ông là Châu Thị T cho mẹ ruột ông là bà Phạm Thị P.

- Phần đất giồng diện tích: 2530 m² thuộc thửa số 2, tờ bản đồ số 10, xã T có nguồn gốc do ông nội ông là ông Võ Văn H để lại cho cha ông.

Năm 1960, cha ông lấy vợ 2 là bà Lê Thị L, có 01 con chung là: Võ Thị U, sinh năm: 1961, ngụ tại ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Năm 1996, cha ông làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 8.705m² bao gồm các thửa đất trên. Trong đơn đăng ký quyền sử dụng đất cha ông ghi rõ nguồn gốc sử dụng đất: “Đất ông bà”.

Năm 1997, cha ông chết, bà Võ Thị U tự ý lập hồ sơ thừa kế từ cha ông là ông Võ Văn Đ sang cho bà Võ Thị U mà không thông qua các đồng thừa kế, vì vậy ông gửi đơn khiếu nại, kết quả được UBND huyện B giải quyết bằng Quyết định số: 2896/QĐ-UBND ngày 31/12/2013, nội dung: “Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1242 ngày 01 tháng 10 năm 2001 do UBND huyện cấp cho bà Võ Thị U với tổng diện tích 8.705m² gồm: thửa đất số 412, diện tích 3.855 m²; thửa đất số 229, diện tích 2.320m² và thửa đất số 2, diện tích 2.530 m², cùng tờ bản đồ số 10, xã T”.

Năm 2014, bà U lại lên rút nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thuộc thửa 412, 229 và được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau vào ngày 16/12/2014.

Không đồng ý, ông đã gửi đơn khiếu nại, quá trình xem xét đơn khiếu nại của ông UBND xã T đã có Thông báo số: 129/TB-UBND ngày 30/6/2016, nội dung thừa nhận quá trình xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà U đã không tổ chức họp dân để xác định nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng đất mà lại đưa phiếu cho bà U đi nhờ người dân ký vào phiếu họp... Vì vậy, ngày 20/3/2017, UBND huyện B ban hành Quyết định số: 709/QĐ-UBND, nội dung: Hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số: 412, 229, tờ

bản đồ số 10, xã T.

Nhận thấy việc UBND huyện B ban hành Quyết định số: 709/QĐ-UBND ngày 28/03/2017 là đúng quy định pháp luật, bởi vì UBND xã T đã không thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định Luật đất đai năm 2013, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi đang có tranh chấp, do đó việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Võ Thị U là cần thiết và đúng luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số: 709/QĐ-UBND ngày 28/03/2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà U.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về tố tụng:

Ngày 28/3/2017, UBND huyện ban hành Quyết định số 709/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01404 và CH01405 của hộ bà Võ Thị U, thường trú ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Ngày 20/02/2017, bà Võ Thị U có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre yêu cầu hủy Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thời hiệu khởi kiện của bà U vẫn còn đối với quyết định hành chính nêu trên. Căn cứ các điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ngày 16/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre nhận được đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt của người bị kiện - UBND huyện B và ông Lê Hoàng M – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt đối với người bị kiện là UBND huyện B và ông Lê Hoàng M.

[2] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Trên cơ sở đơn kiến nghị UBND xem xét thu hồi giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cấp cho hộ bà U đề ngày 05/8/2016 của ông Võ Văn U gửi đến UBND huyện B vì ông Út cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 412, 229, tờ bản đồ số 10, xã T mà UBND huyện B đã cấp cho bà Võ Thị U là chưa đúng quy định của pháp luật. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông U, UBND huyện B tiến hành xác minh qui trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên.

Căn cứ Biên bản xác minh 31/5/2016 của UBND xã T thì khi làm hồ sơ xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trưởng ấp A không tổ chức họp dân để xác định nguồn gốc đất của hộ bà U mà giao cho bà U trực tiếp đến từng hộ dân ký tên xác nhận. Hơn nữa, thời điểm bà U có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ bà U có 05 nhân khẩu nhưng hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 412, 229 cùng tờ bản đồ số 10 thiếu danh sách những người trong hộ sử dụng đất đồng ý cho bà U đại diện hộ đăng ký quyền sử dụng đất

Do xét thấy hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà U đã vi phạm điểm b, đ, khoản 2 điều 12 thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường về hồ sơ địa chính. Ngày 19/12/2016, Thanh tra huyện có kết luận số 63/KL-TT về quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Võ Thị U có nội dung: ngày 16/12/2014 hộ bà U được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa đúng quy định của pháp luật.

Ngày 13/01/2017, UBND huyện có Công văn số 106/UBND-NC về việc thông báo thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà U, hết thời hạn quy định bà U không mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lập thủ tục thu hồi theo quy định.

Ngày 28/3/2017, UBND huyện ban hành quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01404 và CH01405 của hộ bà Võ Thị U, thường trú ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Khoản 2 Điều 105; Khoản 2 và Khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai 2013, Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, xét thấy Quyết định hành chính số 709/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B được ban hành đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung quyết định hành chính:

Phần đất mà các bên đương sự tranh chấp gồm: thửa 229 diện tích 2320m² và thửa 412 diện tích 3855m² cùng tờ bản đồ số 10, tọa lạc xã A.

Các bên đương sự thống nhất về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Hộ ông Võ Văn Đ được Nhà nước khoán năm 1990 theo bình quân nhân khẩu. Do hộ ông Đ có 05 nhân khẩu nên được khoán bình quân mỗi nhân khẩu 1300m², khôna trên chân ruộng cũ của gia đình ông Đ.

Việc khoán đất đã được UBND xã T xác minh làm rõ theo biên bản xác minh về việc khoán định suất đất theo bình quân nhân khẩu vào ngày 30/5/2016. Như vậy, thực tế, trong phần đất tranh chấp trên có 1300m² đất là của ông Đ được Nhà nước khoán.

Ngày 29/8/1997, ông Võ Văn Đ (cha của bà U) đại diện hộ gia đình được

UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 8705m² (thửa 02 diện tích 2530m², thửa 229 diện tích 2320m² và thửa 412 diện tích 3855m²). Tuy nhiên, khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trước đó ngày 16/6/1997, ông Đ đã chết. Năm 2001, bà Võ Thị U lập thủ tục xin thừa kế quyền sử dụng đất của ông Đ đối với các thửa đất nêu trên.

Ngày 01/10/2001, UBND huyện B ban hành Quyết định số 456/QĐ-UB về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000490/QSĐĐ/207/QĐ-UB ngày 29/8/1998 đã cấp cho hộ ông Võ Văn Đ, lý do: ông Đ chết, chuyển quyền thừa kế cho con. Đồng thời, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1242/QSĐĐ/456/QĐ-UB ngày 01/10/2001 cho hộ bà U với tổng diện tích 8705m² gồm các thửa 412, 229 và thửa 02 cùng tờ bản đồ số 10, toạ lạc xã T.

Do không đồng ý với việc bà U thừa kế tất cả phần đất mà ông Đ để lại nên ngày 06/12/2010, ông Võ Văn Đ1 và ông Võ Văn U (con ruột ông Đ, anh cùng cha khác mẹ với bà U) làm đơn khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Võ Thị U từ cha ruột là ông Võ Văn Đ vào năm 2001 là không đúng theo quy định pháp luật, làm thiệt hại đến quyền lợi thừa hưởng di sản của các con ông Võ Văn Đ.

Qua thẩm tra, xác minh, ngày 31/12/2013, UBND huyện ban hành Quyết định số 2890/QĐ-UBND về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1242/QSĐĐ/456/QĐ-UB ngày 01/10/2001 cấp cho hộ bà Võ Thị U. Sau khi nhận quyết định, bà U không khiếu nại.

Ngày 03/7/2014, bà Võ Thị U lại đại diện hộ gia đình có đơn đề nghị cấp mới quyền sử dụng đất thửa 412 và thửa 229. Ngày 16/12/2014, UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04104 và CH01405 cho hộ bà U đối với 02 thửa đất trên.

Căn cứ biên bản xác minh ngày 15/6/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre tại UBND xã T thì từ năm 2010, ông Võ Văn U đã có đơn khiếu nại yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà U đối với các thửa đất trên. Năm 2014, ông U có tranh chấp với bà U về các thửa đất trên nhưng UBND xã hoà giải không thành. Khi bà U làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông U hoàn toàn không biết (BL211-212) và UBND xã cũng không tiến hành đo đạc, định vị vị trí phần đất mà ông U cho rằng ông được nhận thừa kế của ông Đ nằm trong thửa đất nào trong các thửa đất tranh chấp. Như vậy, việc UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01404 và CH01405 cho hộ bà U đối với 02 thửa đất trên là không đúng với qui định Điều 100 Luật đất đai, Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Hơn nữa, thời điểm bà U có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ bà U có 05 nhân khẩu nhưng hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 412, 229 cùng tờ bản đồ số 10 thiếu ý kiến những người trong hộ sử dụng đất đồng ý cho bà U đại diện hộ đăng ký quyền sử dụng đất; đồng thời trưởng ấp A không tổ chức họp dân để xác định nguồn gốc đất của hộ bà U mà giao cho bà U trực tiếp đến từng hộ dân ký tên xác nhận. Hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã vi phạm điểm b, đ, khoản 3 điều 12 thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường về hồ sơ địa chính khi thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.

Từ những phân tích trên, xét thấy Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của UBND huyện B ban hành về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01404 và CH01405 của hộ bà Võ Thị U là đã đảm bảo về trình tự thủ tục, thẩm quyền, đúng nội dung theo quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị U không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà Võ Thị U phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 100, Khoản 2 Điều 105; Khoản 2 và Khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai 2013, Điều 20, 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm b, đ, khoản 3 điều 12 thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường về hồ sơ địa chính khi thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTƯVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị U về việc yêu cầu hủy Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của UBND huyện B “về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01404 VÀ CH01405 của hộ bà Võ Thị U, thường trú ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre”.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: bà Võ Thị U phải chịu án phí với số tiền: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số 0002716 ngày 03/10/2017 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bến Tre.

3. Chi phí tố tụng: Chi phí xác minh, thu thập chứng cứ ông Võ Văn U tự nguyện chịu, đã quyết toán xong.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo; các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1b);
- Các đương sự (5b);
- Tòa HC; Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy

